TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DSST
Ngày: 26/12/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và bà Phạm Thị Thùy Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang –Thẩm tra viên Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng– Kiểm sát viên**.**

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn V– sinh năm 1979;

Trú tại: Lô A. A1 khu Tái định cư - N, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị D- sinh năm 1964; Trú tại: Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. (Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2021 giữa ông V với con gái ruột bà Trần Thị D (không rõ họ tên chỉ thường gọi là L) có quan hệ mua bán ốc bưu vàng, ông V thường bỏ hàng sỉ cho chị L để chị L bán lẻ lại cho những người khác, nên trong năm 2022 bà Trần Thị D có gọi cho ông V nói bán ốc cho bà D để bà D mua bán, do đó ông V bán cho D nhiều lần. Đến ngày 31/10/2022 ông V và bà D chốt sổ nợ thì bà D nợ ông V cả nợ mới lẫn nợ cũ là 70.000.000đ, có viết giấy chốt sổ, bà D thừa nhận số nợ 70.000.000đ và có ký tên. Sau khi chốt nợ thì giữa ông V và bà D có thỏa thuận mỗi tháng bà D trả cho ông V 3.000.000đ cho tới khi hết nợ, sau đó bà D cũng không trả đúng 3.000.000đ nên hai bên thống nhất mỗi tháng bà D trả cho ông V 2.000.000đ;

Từ khi thỏa thuận trả nợ thì bà D đã trả cho ông V được 4 lần, mỗi lần trả 2.000.000đ, tổng cộng từ khi chốt nợ đến nay bà D đã trả cho ông V được 8.000.000đ; Từ đó đến nay bà D không trả nợ cho ông V theo thỏa thuận nữa. Trong khi bà D đã lấy hết số tiền nợ bán cho người khác mà lại không trả cho ông V. Ông V đã ra nhà bà D để đòi nợ nhưng bà D cố tình không chịu gặp để trả nợ. Nay ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D phải có nghĩa vụ trả cho ông V toàn bộ số tiền còn nợ là 62.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

- Theo lời khai có tại hồ sơ vụ án bà Trần Thị D trình bày: Bà D thừa nhận năm 2022 có mua ốc bưu vàng của ông Lê Văn V (thường gọi là T) và còn nợ số tiền 70.000.000đ theo như giấy chốt sổ của ông V là đúng. Đây là khoản tiền nợ do bà D mua bán ốc với ông V, chứ không phải tiền vay mượn của ông V. Bà D cũng có thỏa thuận mỗi tháng trả cho ông V 3.000.000đ. Từ lúc chốt nợ đến nay đã trả cho ông V được 4 lần, mỗi lần trả 2.000.000đ, tổng cộng bà D trả cho ông V 8.000.000đ. Bà D còn nợ ông V 62.000.000đ. Nay ông V khởi kiện yêu cầu bà D trả 62.000.000đ thì bà D đồng ý trả nhưng vì lý do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn, nợ nần nhiều người nên không có điều kiện trả cho ông V một lần, bà D xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi đủ số tiền 62.000.000đ.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả một lần số tiền còn nợ là 62.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn bà Trần Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật dân sự (BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 62.000.000đ. Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên không xem xét. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại khoản tiền nợ đã mượn. Bị đơn đăng ký thường trú tại khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận đây là khoản tiền nợ do mua bán ốc bưu vàng nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị D.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Giữa ông Lê Văn V và bà Trần Thị D thực tế có hợp đồng miệng mua bán ốc bưu vàng. Nguyên đơn ông Lê Văn V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị D trả số tiền 62.000.000đ còn nợ do mua ốc bưu vàng căn cứ vào giấy chốt nợ lập ngày 31/10/2022 do bà D ký tên; yêu cầu bà D trả nợ một lần. Bị đơn bà D thừa nhận có mua ốc bưu vàng của ông V nhiều lần với số tiền 70.000.000đ, bà D đã trả cho ông V 8.000.000đ và còn nợ ông V số tiền 62.000.000đ; bà D đồng ý trả 62.000.000đ. Tuy nhiên, xin trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi trả hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng trả một lần.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn và đối chiếu với giấy chốt nợ ngày 31/10/2022 do bà D ký tên, được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, đủ cơ sở xác định: Bà D có mua ốc bưu vàng và còn nợ ông V số tiền 62.000.000đ.Theo thỏa thuận của giấy chốt nợ mỗi tháng bà D phải trả cho ông V 2.000.000đ nhưng bà D không thực hiện đúng thỏa thuận là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ.

Xét lời trình bày của bị đơn về việc đề nghị HĐXX xem xét cho bị đơn trả nợ dần, mỗi tháng trả 500.000đ cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn là không có căn cứ, nguyên đơn không đồng ý cho trả dần; nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của bị đơn, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà D có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền còn nợ là 62.000.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 62.000.000đ x 5%=3.100.000đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn V.

1. Buộc bị đơn bà Trần Thị D phải trả cho nguyên đơn ông Lê Văn V số tiền 62.000.000đ *(Sáu mươi hai triệu đồng)*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị D phải chịu 3.100.000đ *(Ba triệu một trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Lê Văn V số tiền 1.550.000đ *(Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0010545 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền